

Số: 137 /SNV-CCHC

Quảng Bình, ngày 28 tháng 01 năm 2013

V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo CCHC hàng năm

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011-2020; Công văn số 725/BNV-CCHC ngày 01/3/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và báo cáo cải cách hành chính hàng năm, Công văn số 237/UBND-KSTTHC ngày 13/3/2012 của UBND tỉnh về việc triển khai xây dựng kế hoạch CCHC và báo cáo CCHC hàng năm. Sở Nội vụ hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ hàng năm như sau:

1. Kế hoạch cải cách hành chính năm

- Căn cứ Chương trình tổng thể, chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hàng năm với đầy đủ các nhiệm vụ cụ thể trên các lĩnh vực: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; công chức, viên chức; cải cách tài chính công và hiện đại hoá hành chính. Các nhiệm vụ này gắn với trách nhiệm tổ chức thực hiện của từng cơ quan, đơn vị; kết quả đầu ra cụ thể và bố trí nguồn kinh phí cần thiết để thực hiện.

(Đính kèm đề cương Kế hoạch CCHC năm).

Đối với kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh về cơ bản có nội dung, cơ cấu giống với đề cương đính kèm, nhưng không có nội dung về cải cách thể chế; nội dung về cải cách thủ tục hành chính tập trung vào rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong nội bộ hoạt động của các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh.

- Thời gian ban hành kế hoạch cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong tháng 12 của năm trước liền kề gửi về Sở Nội vụ để tập hợp báo cáo UBND tỉnh. Riêng năm 2013, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm và gửi về Sở Nội vụ trước ngày 30/2/2013.



2. Báo cáo cải cách hành chính

- Báo cáo cải cách hành chính hàng năm của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố phải bám sát tình hình triển khai kế hoạch cải cách hành chính năm, nội dung báo cáo phải đầy đủ theo đề cương.

(Đính kèm đề cương Báo cáo CCHC).

Đối với báo cáo cải cách hành chính hàng năm của các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh không có nội dung về cải cách thể chế.

- Trên cơ sở Đề cương báo cáo cải cách hành chính năm do Sở Nội vụ hướng dẫn và thực tế tình hình triển khai thực hiện cải cách hành chính, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố báo cáo công tác cải cách hành chính hàng quý, 6 tháng và năm gửi về Sở Nội vụ theo quy định để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ.

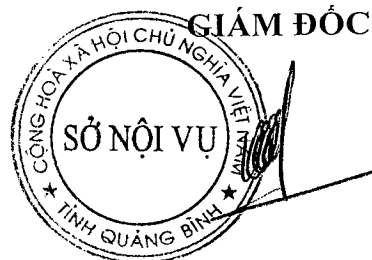
- Thời gian gửi báo cáo cải cách hành chính: Báo cáo quý gửi trước ngày 05 tháng cuối cùng của quý, báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 05 tháng 6 hàng năm và báo cáo năm gửi trước ngày 30/11 hàng năm.

Việc xây dựng kế hoạch và báo cáo công tác cải cách hành chính hàng năm đảm bảo đúng nội dung và thời gian quy định là một trong những tiêu chí để đánh giá công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị trong tỉnh. Sở Nội vụ đề nghị các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố căn cứ hướng dẫn để triển khai thực hiện. Nếu có vấn đề gì vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Nội vụ để sớm điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Mọi thông tin xin lên hệ Phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ Quảng Bình (*Số 04-Trần Hưng Đạo, TP.Đồng Hới, ĐT: 0523.844480*).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CCHC



Nguyễn Văn Sơn



ĐỀ CƯƠNG

KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM

(Kèm theo Công văn số 137/SNV- CCHC ngày 28 / 01 /2013 của Sở Nội vụ)

I. MỤC TIÊU

- Trên cơ sở mục tiêu Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của tỉnh và điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị xác định mục tiêu cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị trong năm một cách phù hợp, khả thi.

- Lựa chọn các mục tiêu trọng tâm cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương để ưu tiên tập trung nguồn lực triển khai thực hiện.

- Các mục tiêu phải cụ thể, rõ ràng, có khả năng theo dõi, đánh giá được.

II. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Về đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật: Tập trung vào đổi mới quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước, về mối quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước với nhân dân, về quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Cải cách thủ tục hành chính nhà nước

- Công khai thủ tục hành chính; Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực được giao: Đầu tư, đất đai, xây dựng, y tế, giáo dục, lao động-thương binh xã hội, bảo hiểm, khoa học và công nghệ...

- Cải cách thủ tục hành chính giữa các cơ quan hành chính, các ngành, các cấp và trong nội bộ cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và việc giám sát thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Đánh giá mô hình tổ chức, chất lượng hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện nhiệm vụ phân cấp theo quy định.

- Tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Việc xây dựng cơ cấu công chức, viên chức hợp lý gắn với vị trí việc làm.

- Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện các quy định về tiêu chuẩn chức danh đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc thực hiện các quy định về tuyển dụng, sử dụng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng.

- Việc thực hiện chính sách tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, ưu đãi người có công.

- Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công

- Việc tổ chức thực hiện các chính sách tiền lương, tiền công, thu nhập, chính sách an sinh xã hội,...

- Thực hiện cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị khoa học công nghệ công lập.

- Thực hiện cơ chế khoán biên chế, kinh phí hành chính.

- Thực hiện xã hội hoá trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, dân số-kế hoạch hoá gia đình, thể dục, thể thao.

- Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

6. Hiện đại hoá hành chính

- Thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc của cơ quan hành chính, giữa các cơ quan hành chính trong tỉnh.

- Công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến.

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9001:2008.

- Xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị.

7. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Để đảm bảo các nhiệm vụ cải cách hành chính được triển khai có hiệu quả, các cơ quan, đơn vị cần xác định rõ những trách nhiệm của lãnh đạo các cấp, các cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính bằng các hoạt động cụ thể như: Ban hành kế hoạch CCHC, kiểm tra, tuyên truyền, giao ban chuyên đề về cải cách hành chính ...

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Đính kèm mẫu số 1)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Xác định rõ ràng, cụ thể trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các cơ quan đơn vị khác trong tỉnh.

- Phân định rõ nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính gắn với trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các cơ quan đơn vị khác trong tỉnh.

- Quy định cụ thể kinh phí triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính được trích từ ngân sách chung của địa phương theo dự trù kinh phí hàng năm và triển khai thực hiện các dự án, đề án đặc biệt có đề xuất lấy kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương và các nguồn hợp pháp khác để đảm bảo triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính.

- Xác định rõ nhiệm vụ của cơ sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các cơ quan, đơn vị khác trong tỉnh tổng kết, đánh giá kết quả triển khai hàng năm./.



Mẫu số 1

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến	Ghi chú
I. Cải cách thể chế	1. 2.	1. 2.	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành liên quan	Từ tháng.../năm tới tháng.../năm		
II. Cải cách thủ tục hành chính	1. 2.	1. 2.					
III. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	1. 2.	1. 2.					
IV. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức	1. 2.	1. 2.					
V. Cải cách hành chính công	1. 2.	1. 2.					
VI. Hiện đại hoá hành chính	1. 2.	1. 2.					
VII. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	1. 2.	1. 2.					
Tổng kinh phí: (bằng chữ)						XXX	



ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM
(Kèm theo Công văn số 1577/SNV-CCHC, ngày 28/01/2013 của Sở Nội vụ)

Báo cáo cải cách hành chính hàng năm của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố yêu cầu xây dựng thống nhất với các phần chính:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.
- Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính.
- Đánh giá chung.
- Phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị trong năm tới.
- Kiến nghị, đề xuất.

Nội dung cụ thể của các phần như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

- Nêu rõ việc xây dựng và ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm của cơ quan, đơn vị.
- Kết quả triển khai thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ đạt được trong thực hiện các nội dung của kế hoạch.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính.
- Việc tổ chức các hội nghị giao ban công tác cải cách hành chính.
- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị.
- Những sáng kiến trong triển khai công tác cải cách hành chính.

3. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính

- Việc ban hành kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính hàng năm.
- Kết quả thực hiện, trong đó nêu rõ số đơn vị được kiểm tra, việc xử lý các vấn đề đặt ra sau khi tiến hành kiểm tra.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm.

- Kết quả thực hiện kế hoạch tuyên truyền, trong đó nêu rõ mức độ hoàn thành kế hoạch.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của địa phương.

1.2. Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của địa phương.

1.3. Tổ chức, triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị.

a) Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương

Tình hình triển khai và kết quả xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của địa phương. Trong đó, làm rõ việc tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật, chất lượng văn bản được ban hành.

b) Rà soát văn bản quy phạm pháp luật của địa phương

Tình hình triển khai kế hoạch rà soát định kỳ các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện trong quá trình rà soát.

c) Tổ chức, triển khai thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị

- Tình hình triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị; trong đó, nêu rõ số văn bản quy phạm pháp luật phải triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị theo quy định, số văn bản quy phạm pháp luật đã được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

- Tình hình kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị; trong đó, nêu rõ số văn bản quy phạm pháp luật được kiểm tra thực hiện so với tổng số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Thực hiện các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định.

- Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính kiến nghị cấp có thẩm quyền: Số lượng thủ tục hành chính thực hiện rà soát, đánh giá kiến nghị. Kết quả thủ tục hành chính được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ.

- Về công khai thủ tục hành chính: Nêu cụ thể tình hình công khai thủ tục hành chính theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên mạng Internet và các hình thức công khai khác. Trong đó nêu rõ số đơn vị hành chính trực thuộc công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; số lượng (hoặc tỷ lệ) thủ tục hành chính được công khai trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, của cơ quan, đơn vị. Việc công bố, cập nhật thủ tục hành chính.

- Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTTC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan, đơn vị

Nêu rõ tình hình thực hiện rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan, đơn vị (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập). Qua rà soát, đánh giá được các vấn đề sau:

- Tình hình triển khai các quy định về tổ chức bộ máy. Trong đó nêu rõ thời gian triển khai và mức độ tuân thủ quy định về tổ chức bộ máy tại các văn bản quy phạm pháp luật.

- Tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành.

- Tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp huyện.

- Tình hình quản lý biên chế của cơ quan, đơn vị.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

3.2. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các sở, ban, ngành, cơ quan chuyên môn cấp huyện

- Việc ban hành kế hoạch kiểm tra.

- Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra, kết quả xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra.

3.3. Về thực hiện phân cấp quản lý

Nêu cụ thể tình hình thực hiện các quy định phân cấp quản lý tại các cơ quan, đơn vị; công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp; việc xử lý các vấn đề phân cấp sau kiểm tra.

3.4. Tổng kết, đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị

Nội dung 3.4 các cơ quan, đơn vị thực hiện khi có yêu cầu của UBND tỉnh hoặc tự đánh giá và báo cáo.

3.5. Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công

3.6. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Tình hình triển khai và kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan, đơn vị và UBND cấp huyện, cấp xã. Trong đó làm rõ:

- Đơn vị đã triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.
- Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.
- Số thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa.
- Số thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông.
- Cơ quan, đơn vị đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.
- Số đơn vị hành chính cấp xã đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.
- Cơ quan, đơn vị thực hiện mô hình một cửa hiện đại.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Cơ quan, đơn vị đã xây dựng và phê duyệt cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm, trong đó nêu rõ số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công, đơn vị hành chính cấp huyện đã xây dựng cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; cơ quan, đơn vị và số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công, đơn vị hành chính cấp huyện có cơ cấu công chức, viên chức trên thực tế của các cơ quan, đơn vị này.

4.2. Về công chức cấp xã

Thực tế số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, trong đó nêu rõ số lượng (hoặc tỷ lệ %) công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định; số lượng (hoặc tỷ lệ %) số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn trong năm; việc thực hiện chỉ tiêu đạt chuẩn công chức cấp xã hàng năm theo quy định.

4.3. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Nêu rõ tình hình thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức; các quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị.

4.4. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Trong đó, nêu rõ kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được phê duyệt.

4.5. Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức

5. Cải cách tài chính công

5.1. Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

5.2. Thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước

5.3. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

a) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP

Nêu cụ thể tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 130; ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công; mức tăng thu nhập cho cán bộ, công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên.

UBND các huyện, thành phố thống kê số lượng đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện cơ chế này; số đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công; số đơn vị có mức tăng thu nhập cho cán bộ, công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên.

b) Về thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp

- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ;

- Thống kê số đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan, đơn vị quản lý thực hiện cơ chế này; số đơn vị sự nghiệp công lập ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công; số đơn vị sự nghiệp công lập có ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập cho người lao động.

c) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2005/NĐ-CP

Nêu cụ thể tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 115. Trong đó, thống kê số tổ chức khoa học và công nghệ được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động; số tổ chức ban hành quy chế chi tiêu nội bộ; số

tổ chức ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập cho người lao động.

5.4. *Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số-kế hoạch hoá gia đình, thể dục, thể thao*

6. Hiện đại hoá hành chính

6.1. *Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan, đơn vị*

- Tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị. Trong đó, thống kê số cơ quan, đơn vị ứng dụng phần mềm quản lý văn bản; số cơ quan, đơn vị sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) trong trao đổi công việc; tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc.

- Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Trong đó, thống kê số lượng thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến ở các mức độ 1 và 2, mức độ 3, mức độ 4.

- Phản ánh hoạt động trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

6.2. *Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương*

Báo cáo cụ thể tình hình triển khai áp dụng ISO tại cơ quan, đơn vị và được cấp chứng chỉ ISO (thống kê số đơn vị hành chính cấp huyện được cấp chứng chỉ ISO); số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động.

6.3. *Tình hình triển khai xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị, địa phương*

Nêu rõ tình hình đầu tư xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị, trong đó có việc triển khai thực hiện Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 06/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng trụ sở cấp xã, phường.

(Thống kê đầy đủ theo các Biểu mẫu phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6 đính kèm)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện CCHC

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRONG NĂM TỚI

Nêu khái quát phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị trong năm tới.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nêu những kiến nghị, đề xuất đối với các bộ, ngành Trung ương và các sở, ban, ngành để công tác CCHC trong giai đoạn tới đạt kết quả, hiệu quả hơn./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO CCHC NĂM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Công văn số 137/SNV-CCHC ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Sở Nội vụ)



Phụ lục 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH

TT	Có ban hành các kế hoạch	Thời gian ban hành	Số nhiệm vụ/số đơn vị trong kế hoạch	Số nhiệm vụ/đơn vị được hoàn thành theo kế hoạch	Ghi chú
1	Kế hoạch cải cách hành chính năm				
2	Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm				
3	Kế hoạch tuyên truyền CCHC				
4	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện				
5	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức				
6	Kế hoạch ứng dụng CNTT của cơ quan, đơn vị				
				

Phụ lục 2

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CCHC

TT	Tiêu chí	Tổng số	Sở, ngành		Cấp huyện, thành phố			Ghi chú
			Phòng, ban	Đơn vị sự nghiệp	Phòng, ban CM	Đơn vị sự nghiệp	Cấp xã	
1	Số cơ quan, đơn vị trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt							
2	Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra về CCHC							
3	Số cơ quan công khai đầy đủ, đúng quy định bộ TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả							
4	Số cơ quan chuyên môn trong kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động							
5	Số cơ quan được kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động							
6	Số cơ quan có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt							
7	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt							
8	Số cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt							
9	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng cơ cấu viên chức được phê duyệt							
10	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công và tương đương thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức							

21	Số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản							
22	Số cơ quan, đơn vị sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc							
23	Số cơ quan, đơn vị có Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử							
24	Số cơ quan, đơn vị được cấp chứng chỉ ISO							
25	Số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động							
26	Số cơ quan chuyên môn có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông							
27	Số xã triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông							
28	Số cơ quan, đơn vị đạt yêu cầu cơ sở vật chất, trang thiết bị cho một cửa, một cửa liên thông theo quy định							

11	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức							
12	Số cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo NĐ 130							
13	Số cơ quan, đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế khoán biên chế theo Nghị định 130							
14	Số cơ quan, đơn vị ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức							
15	Số đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm theo quy định							
16	Số đơn vị sự nghiệp công lập ban hành quy chế chi tiêu nội bộ							
17	Số đơn vị sự nghiệp công lập ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động							
18	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo NĐ 115							
19	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành quy chế chi tiêu nội bộ							
20	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập, ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động							

Phụ lục 3
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

TT	Loại cơ quan	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính		Ghi chú
			Sở, ngành	Cấp huyện	
1	Cơ quan hành chính (phòng, ban trực thuộc)				
2	Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc				
3	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập (cấp tỉnh, cấp huyện, thành phố)				

Phụ lục 4
SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Tỷ lệ % (Số với tổng số TTHC trong bộ TTHC)	Ghi chú
			Sở, ngành	Cấp huyện	Cấp xã		
1	Số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của tỉnh						
2	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa						
3	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông						

Phụ lục 5
TỔNG HỢP CÁC VẤN ĐỀ XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CCHC

TT	Tiêu chí	Tổng số	Đã xử lý/Đã thực hiện	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra CCHC				
2	Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				
3	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện				
4	Số vấn đề phát hiện sau khi rà soát văn bản quy phạm pháp luật thực hiện tại địa phương				
5	Số vấn đề phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra VBQPPL tại địa phương				
6	Số quy định của Chính phủ về phân cấp được thực hiện ở địa phương				
7	Số VBQPPL được tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương (tổng số các văn bản của các ngành, lĩnh vực)				
8	Số VBQPPL thực hiện tại địa phương được kiểm tra (tổng số các văn bản của các ngành, lĩnh vực)				
9	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra việc thực hiện VBQPPL tại địa phương				

Phụ lục 6
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

TT	Tiêu chí	Tổng số	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số lượng công chức cấp xã			
2	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định			
3	Số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm			

